

Việt Nam từ Bác Hồ đến Bill Gates

Giới thiệu: Đây là bản dịch của bài phóng sự thứ nhất của một loạt bài phóng sự viết từ Việt Nam của Federico Rampini, đặc phái viên thường trú của nhật báo Ý “La Repubblica” ở Bắc Kinh.

Hồi những năm thập niên 60, trong thời chiến tranh chống Mỹ, có lần Bác Hồ đã tuyên bố với Mỹ rằng: “Chúng tôi xin trả thăm dò để mời quý vị rời khỏi Việt Nam. Rồi chừng nào chấm dứt chiến tranh chúng tôi sẽ lại mời quý vị đến đây, bởi vì chúng tôi cần khả năng kỹ thuật và sự giúp đỡ của quý vị”.

Ở vào thời điểm nói trên, câu tuyên bố ấy như có vẻ tuyên truyền và cường điệu. Nhưng nhìn lại hôm nay, thì câu tuyên bố trên lại có vẻ như là một lời tiên tri làm ai nấy đều chung hững hờ bất ngờ.

Suốt cả đoạn đường cao tốc từ phi trường Nội Bài về thành phố Hà Nội chẳng thấy bóng dáng của một bảng quảng cáo hay biểu ngữ nào đề cổ võ hô hào chế độ cộng sản, mà cả hai bên đường đều ngập các bảng quảng cáo khuyến mãi, nhiều nhất là của các mặt hàng thương hiệu của Mỹ. Từ nhãn hiệu Intel của xứ California (bộ vi xử lý của máy tính điện tử) cho đến mô-tô Harley Davison. Năm ngoái các tập đoàn siêu quốc gia Mỹ đã đầu tư vào Việt Nam hơn 2 tỉ đô-la để xây dựng các cơ sở sản xuất và để rao bán giấc mơ Hiệp Chúng Quốc (American dream).

Trước khi vào thành phố xe chạy ngang qua một cái công, xây nhái lại cái Khải Hoàn Môn ở Paris, làm bằng đá hoa trắng và đây là cái công ra vào hoành tráng của một khu phố nhà ở cao cấp, trông như ở Los Angeles hay ở Miami, tất cả đều là những vila không lớn lắm, cỡ cho từng gia đình một, được xây cho giới giàu có mới phát lên trong thời kinh tế bung ra ở Việt Nam.

Đi taxi thì có thể trả bằng đô-la, tờ đô-la xanh rờn lưu hành ở Việt Nam như là một thứ đơn vị tiền tệ phụ của nhà nước, có thể trả bằng đô-la ở các cửa hàng mua bán, ở nhà hàng, khách sạn ... (và đối với người khách du lịch nước ngoài thì rất tiện lợi trong chi trả: tiền đồng Việt Nam tính ra chỉ bằng một phần mười đồng tiền Lira củ ở Ý, uống một cốc cà phê là đến 8 ngàn đồng Việt Nam).

Khó mà có thể hình dung ra rằng tên tuổi của đất nước này đã từng lừng danh trong suốt 10 năm trời (1965-1975) của cuộc chiến tranh tàn khốc với Mỹ, một cuộc chiến đã dày vò và chia rẽ cả thế giới, một cuộc đối đầu toàn diện đã gây tử vong cho 3 triệu người Việt Nam, gây ra bệnh tật ghê gớm bởi chất độc khai hoang bị Mỹ trải xuống trong những cuộc oanh tạc, một tấn thảm kịch đã làm tổn thương vĩnh viễn lương tâm của Hoa Kỳ, và đã khiến Mỹ, lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, phải chịu cuốn gói rút quân trước một đối thủ bất trị.

Việc người Việt Nam đã xoá bỏ hết hận thù thì Bill Clinton đã đích thân kiểm nghiệm được từ hồi năm 2000. Trong vòng 31 năm, đây là lần đầu tiên một vị Tổng Thống Mỹ đến viếng thăm xứ Việt Nam (hồi năm 1969 Richard Nixon có đến Việt Nam để ủy lạo quân đội Mỹ tham chiến), và việc Bill Clinton đến Việt Nam đã gây một sự chú ý và hồ hởi lớn lao trong quần chúng Việt Nam khiến các lực lượng bảo vệ Clinton cũng phải vất vả lắm để bảo vệ ông, và sự hồ hởi đó cũng đã làm kinh ngạc ngay cả Chính phủ Hà Nội: hàng chục ngàn thanh thiếu niên đã đổ xô ra hai bên lề dọc theo đường từ thành phố ra phi trường suốt từ 6 giờ trước khi chiếc chuyên cơ Không Quân Số 1 của Clinton hạ cánh.

Có một ông Bill khác còn cho thấy “rò nét” hơn nữa sự phải lòng (của Việt Nam) đối với Mỹ. Cũng trong năm 2000, tờ báo Tuổi Trẻ đã tổ chức một cuộc thăm dò ý kiến trong giới độc giả để xem những ai là thần tượng của thế hệ trẻ: Bill Gates đã đại thắng trong cuộc thăm dò ý kiến nói

trên. Phiếu bình bầu của giới trẻ dành cho vị sáng lập ra tập đoàn Microsoft cao hơn gấp 7 lần so với bất cứ một vị lãnh đạo nào khác trong nước. Đối với đảng Cộng Sản Việt Nam đây là một cú sốc, đảng đã vội kiểm duyệt và ra lệnh tịch thu hết 120 ngàn bản báo Tuổi Trẻ. Tuy vậy, từ đó đến nay, giới trẻ Việt Nam vẫn không thay đổi cách đánh giá của họ Nhưng các vị lãnh đạo thì ... đã thay đổi cách nhìn của các vị. Bill Gates đã trở thành “khách quen” của Hà Nội, được Chính phủ đón tiếp trọng thể như là một quốc khách với hy vọng là thuyết phục được Bill Gates trong việc thúc đẩy Microsoft đầu tư xây dựng một trung tâm sản xuất phần mềm ở Việt Nam. Các quan chức lãnh đạo Việt Nam đã phải công nhận hiện tượng “sùng bái cá nhân” vây quanh con người giàu nhất trên thế giới hiện nay. Lần chót khi đến Việt Nam, ngày 22 tháng tư năm nay, Bill Gates đã được coi như là quốc khách ngay trong khi có cuộc họp Đại Hội Đảng. Chủ tịch Nhà Nước và Thủ Tướng đã phải chịu khó bỏ cuộc họp một tí để đến “chụp hình lưu niệm” với Bill Gates. Trong khi đó thì ngoài sân vẫn lớp lớp thanh niên cuồng nhiệt chen ép cánh cổng sắt trông cứ như là đi đón ca sĩ lừng danh không bằng.

Quá trình chuyển thể của Việt Nam chắc chắn là nhái lại các công thức của ông láng giềng vĩ đại Trung Quốc. Ở đây (Việt Nam) cũng vẫn còn một chế độ độc tài toàn trị, tất cả quyền hành đều nằm trong tay của một đảng duy nhất và không chấp nhận có đa nguyên hay đối trọng. Hà Nội, cũng như Bắc Kinh, dù là không chính thức rời bỏ chủ thuyết cộng sản nhưng đã áp dụng một số đường lối cải cách – được gọi là “đổi mới”, và trong nghĩa tiếng Việt là “đổi mới kinh tế” – nhằm lèo lái đất nước về hướng kinh tế thị trường. So với Trung Quốc thì công cuộc đổi mới ở Việt Nam đi chậm hơn 7 năm, vì tính từ lúc Đặng Tiểu Bình bắt đầu áp dụng đường lối “mở cửa” năm 1979 đến thời “đổi mới” bắt đầu chính thức thành đường lối của Nhà nước Việt Nam năm 1986 là 7 năm, nhưng quá trình đổi mới ở Việt Nam đi chậm hơn so với Trung Quốc.

Tuy nhiên các thành quả của đổi mới (ở Việt Nam) cũng không kém phần ngoạn mục. 20 năm về trước Việt Nam tính ra thì như kiểu Bắc Hàn. Bị cô lập, dưới ách cộng sản theo tiêu chuẩn bình quân, đất nước thì chìm đắm trong nghèo đói còn tệ hơn thời chiến tranh. Thực phẩm phân phối theo chế độ tem phiếu, thu hoạch canh tác không đủ no cho dân chúng.

Hôm nay thì Việt Nam lại trở thành một cường quốc về nông nghiệp xuất khẩu hàng nông nghiệp ra khắp thế giới. Đứng hàng thứ hai sau Thái Lan về xuất khẩu gạo, đứng hàng thứ ba sau Ba-Tây và Colombia về xuất khẩu cà-phê, đứng hàng thứ hai sau Ấn Độ về xuất khẩu đậu phụng. Việt Nam xuất khẩu ra năm châu bốn bể tôm cá, dầu hoả, gỗ, giày dép và hàng may mặc. Với tỉ lệ phát triển tổng sản lượng quốc gia (PIL) (+8,4% trong năm 2005) chỉ thua có mỗi Trung Quốc, Việt Nam hiện nay như con rồng mới Á Châu. Với tổng số dân khoảng 84 triệu, phần lớn là thanh thiếu niên, trình độ học vấn khá, giá lao động bình quân thì lại thấp hơn Trung Quốc 30%, Việt Nam là cả một lưu vực lao động rẽ giá mới được khám phá trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hôm nay.

Theo ý kiến của nhiều chuyên gia thì, ở Á Châu, trong tương lai Việt Nam có thể trở thành như Nhật, do cả hai nước có một số tầm cỡ tương tự nhau (nếu tính theo tỉ lệ sinh đẻ vùn vụt, thì khoảng 30 năm nữa tổng số dân Việt Nam sẽ vượt hơn 127 triệu dân Nhật).

Vào mùa thu năm nay, uy thế mới của Việt Nam sẽ cao hơn nửa khi Việt Nam, với sự ủng hộ mạnh mẽ của Mỹ, sẽ được “thụ phong” thành thành viên của Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO).

Dù là đã đạt được những kỳ công về kinh tế, nhưng tính về mức độ hiện đại hoá thì Việt Nam còn đứng sau rất xa so với Trung Quốc. Bên cạnh phong cách rất nhã nhặn lịch sự của con người Việt Nam, sự chậm trễ trong quá trình phát triển cũng là một trong những yếu tố làm Việt Nam thêm phần hấp dẫn. Ở đây người ta còn có thể tìm thấy một mảnh của Châu Á đã hoàn toàn biến mất ở những nơi khác. Hà Nội đã bước vào thời đại của xe gắn máy, xe hơi thì vẫn còn là thứ hàng chưa thành đại trà. Cả một dòng thác dầy đặc xe gắn máy ồn ào bóp còi chạy như ong vỡ tổ trên các

đường phố từ sáng đến tối, xe gắn máy là biểu tượng uy thế của tầng lớp mới trong xã hội và cũng dễ thấy cả một gia đình bốn hay năm người cùng đèo nhau trên một cái xe gắn máy.

Các nhà lầu chọc trời thì chưa có nhiều lắm. Hà Nội không có sắc thái giống như Bắc Kinh hay Kuala Lumpur (Mã Lai). Trong thành phố vẫn còn có dấu vết của kiến trúc xưa của thời thực dân Pháp: một thứ hỗn tạp màu sắc của nhiều phong cách để làm gợi nhớ đến đại lộ Haussmann (Paris) hay kiểu nghệ thuật Art Déco; Nhà thờ Saint Joseph có dáng dấp của nhà thờ Đức Bà (Notre Dame) ở Paris, nhà hát hơn thì y hệt như Palais Garnier của thành phố Paris; đi trên các con đường của thành phố lúc thì thấy những mảnh sân của các ngôi biệt thự cổ, lúc thì bắt gặp những sân thượng với những lan can làm bằng sắt rèn khiến người thoáng cảm như đang ở Casablanca (Ma-Rôc) hay ở New Orleans; những ngôi nhà cổ hàng trăm năm của giới (cựu) tư sản nằm lọt thỏm trong một mớ bông bong đủ thứ màu sắc như màu hồng nhạt, màu xanh da trời, màu vàng; những mặt tiền trát vữa quyền rũ bị khí hậu ẩm thấp nhiệt đới tàn phá và xuống cấp mấy chục năm nay.

Mức độ đầu cơ bất động sản chưa kịp xâm lấn vùng trung tâm cổ nơi mà mỗi khu phố người ta cùng làm một nghề và khu phố mang tên của nghề ấy – như phố hàng thiết, phố hàng may – , và trên các sạp hàng nơi thì bày bán lòng heo, nơi thì bày bán đèn bằng đồng, chỗ thì bày bán lồng đèn hay điều giầy, chỗ nọ thì bán nữ trang, rồi đến khi chiều tối thì tất cả các sạp bán hàng đều biến thành nhà để xe gắn máy.

Chẳng ai có can đảm hình dung thành phố này sẽ ra sao khi một ngày nào đó xe gắn máy sẽ được thay thế bằng xe ô-tô, chẳng biết rồi lượng xăng khói ô nhiễm sẽ biến thành phố này thành một thứ Bangkok khác hay không. Một tương lai như thế tính ra có lẽ cũng không xa lắm, bởi vì chính dân thượng lưu có tiền đang khao khát cái đó, giới tư sản mới đang trên đà thăng tiến đủ khả năng ăn vận áo quần hàng hiệu Ferragamo (vừa mới khai trương) và tập jogging trong những câu lạc bộ thể thao của khách sạn Metropole Sofitel, 300 Euro một phòng.

Sự hiện diện của chế độ ngay trong trung tâm thủ đô cũng rất kín đáo: chẳng mấy khi gặp được những tượng đài kỷ niệm hay biểu ngữ tuyên truyền của nhà nước. Chẳng mấy ai thấy bóng dáng của quân đội cho dù với một lực lượng bao gồm 600 ngàn lính Việt Nam vẫn đang còn là một trong những quốc gia có một lực lượng mạnh bạo nhất trên thế giới. Chẳng có gì để người ta có thể nghĩ ra rằng cái “dân tộc thiện chiến” này trong suốt lịch sử từ 2000 năm trở lại đây đã trải qua nhiều năm tháng chiến tranh hơn là hoà bình.

Cái vòng hào quang của Hồ Chí Minh thì vẫn còn nguyên vẹn, nhưng đứng trước lăng tẩm Bác Hồ đây cảm động thì thấy đa số người đến viếng là khách du lịch nước ngoài (khác với lăng tẩm của Mao ở Thiên An Môn đa số người đến viếng là dân Trung Quốc). Hai phần ba người Việt Nam hiện nay là sinh sau năm 1975, năm mà những chiếc trực thăng cuối cùng của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đã di tản toàn bộ Đại Sứ Quán Hoa Kỳ rời khỏi Sài Gòn; đối với những người sinh sau 1975 này thì “cuộc chiến tranh chống Mỹ” đã thuộc vào tiền sử.

Sau một thế kỷ mà từ ông cố đến ông nội rồi đến cha chú liên tục cầm súng chống ngoại xâm – chống Pháp, chống Nhật, chống Mỹ, chống Trung Quốc –, đây là lần đầu tiên có nguyên một thế hệ sinh ra chưa bao giờ phải đối mặt với chiến tranh hay phải sống dưới ách ngoại xâm. Ngay cả giới lãnh đạo, dù rằng đại đa số vẫn còn thuộc thành phần cựu-chiến sĩ, nhưng họ đã quyết định phải thực thi đúng từng chữ lời tuyên bố của Hồ Chí Minh. Việt Nam là một đất nước đang tươi cười thật lòng với người Mỹ, với người Pháp, với người Trung Quốc, với thực dân và kẻ thù của một thời: du khách và dân làm ăn được người Việt Nam dang rộng đôi tay ra đón tiếp, chẳng một chút ác cảm hay trách khừ chi cả.

Hồi tháng sáu vừa qua Hà Nội đã mời Donald Rumsfeld, Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng Mỹ, ký kết một hiệp ước nhằm “cộng tác quân sự” giữa hai nước. Có lẽ cái bầu không khí tuần trăng mật với Mỹ là gây nhiều ngạc nhiên nhất.

(còn tiếp)

Dịch từ bài “Il Vietnam da zio Ho a Bill Gates” của đặc phái viên thường trú nhật báo La Repubblica ở Bắc Kinh– Nhật báo La Repubblica – 01/09/2006

QV